TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:03/2018/QĐST-HNGĐ	*Anh Sơn, ngày 05 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 08/2018/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh M – Sinh năm: 1980

HKTT: Xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Trú tại: Chung cư Vinaconex 9, xóm 19, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Trần Quốc Q – Sinh năm: 1980

HKTT: Xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Hiện đang công tác tại: Trung tâm Giáo dục – Lao động – Xã hội P

Địa chỉ: Xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An

Căn cứ vào Điều 55, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Thanh M và anh Trần Quốc Q.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh M và anh Trần Quốc Q thoả thuận ly hôn.

2/ Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Nữ Diệp C – Sinh ngày 18/6/2004 và Trần Hữu Nam A – Sinh ngày: 06/10/2008 cho chị Nguyễn Thị Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Quốc Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

1.000.000 đồng/1 tháng/1 con (2 con là 2.000.000 đồng/1tháng), hạn cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2018 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Sau khi ly hôn, anh Trần Quốc Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành không chịu thi hành thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng Nhà Nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

3/ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.

Chị Nguyễn Thị Thanh M tự nguyện nộp cả 150.000 án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (Đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002113 ngày 26/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND huyện A;;*
- *Chi cụ THADS huyện A;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã H, thành phố V;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Lệ Hằng